TRƯỜNG ĐẠI HỌC
CÔNG NGHỆ ĐỒNG NAI

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành đào tạo:	**Công nghệ Kỹ thuật Xây dựng**
Trình độ đào tạo:	**Đại học**
Loại hình đào tạo:	**Chính quy**
Thời gian đào tạo:	**4 năm**
Văn bằng:	**Cử nhân/ Kỹ sư**
Khóa đào tạo:	**Khóa 19 (2023 - 2027)**
Tổng số tín chỉ tích luỹ toàn khoá:	**126**

Các học phần (*) không tính trung bình chung tích lũy vào kết quả học tập.

HỌC KỲ 1: 15 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 14, tự chọn: 01)

Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Tiết lý thuyết	Tiết thực hành
Học phần bắt buộc		**15**			

CB70205	Thống kê ứng dụng	3	45	45	0
TA70306	Intensive English 2 (*)	4	60	60	0
TH70002	Tin học 2	2	60	0	60
Học phần tự chọn (Chọn 1 trong 3 học phần)		**1**			
CB71412	Bóng đá (*)	1	30	0	30
CB71403	Bóng chuyền	1	30	0	30
CB71404	Cầu lông	1	30	0	30
CB71410	Pickleball	1	30	0	30
HỌC KỲ 2: 15 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 14, tự chọn: 01)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**15**			
CB70205	Thống kê ứng dụng	3	45	45	0
TA70306	Intensive English 2	4	60	60	0
TH70002	Tin học 2	2	60	0	60

Học phần tự chọn (Chọn 1 trong 3 học phần)		**1**			
CB71412	Bóng đá	1	30	0	30
CB71403	Bóng chuyền	1	30	0	30
CB71404	Cầu lông	1	30	0	30
CB71410	Pickleball	1	30	0	30
HỌC KỲ 3: 15 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 14, tự chọn: 01)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**15**			
CB70205	Thống kê ứng dụng	3	45	45	0
TA70306	Intensive English 2	4	60	60	0
TH70002	Tin học 2	2	60	0	60
Học phần tự chọn (Chọn 1 trong 3 học phần)		**1**			
CB71412	Bóng đá	1	30	0	30
CB71403	Bóng chuyền	1	30	0	30

CB71404	Cầu lông	1	30	0	30
CB71410	Pickleball	1	30	0	30
HỌC KỲ 4: 15 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 14, tự chọn: 01)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**15**			
CB70205	Thống kê ứng dụng	3	45	45	0
TA70306	Intensive English 2	4	60	60	0
TH70002	Tin học 2	2	60	0	60
Học phần tự chọn (Chọn 1 trong 3 học phần)		**1**			
CB71412	Bóng đá	1	30	0	30
CB71403	Bóng chuyền	1	30	0	30
CB71404	Cầu lông	1	30	0	30
CB71410	Pickleball	1	30	0	30
HỌC KỲ 5: 15 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 14, tự chọn: 01)					

Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Tiết lý thuyết	Tiết thực hành
Học phần bắt buộc		**15**			
CB70205	Thống kê ứng dụng	3	45	45	0
TA70306	Intensive English 2	4	60	60	0
TH70002	Tin học 2	2	60	0	60
Học phần tự chọn (Chọn 1 trong 3 học phần)		**1**			
CB71412	Bóng đá	1	30	0	30
CB71403	Bóng chuyền	1	30	0	30
CB71404	Cầu lông	1	30	0	30
CB71410	Pickleball	1	30	0	30
HỌC KỲ 6: 15 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 14, tự chọn: 01)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**15**			

CB70205	Thống kê ứng dụng	3	45	45	0
TA70306	Intensive English 2	4	60	60	0
TH70002	Tin học 2	2	60	0	60
Học phần tự chọn (Chọn 1 trong 3 học phần)		**1**			
CB71412	Bóng đá	1	30	0	30
CB71403	Bóng chuyền	1	30	0	30
CB71404	Cầu lông	1	30	0	30
CB71410	Pickleball	1	30	0	30
HỌC KỲ 7: 15 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 14, tự chọn: 01)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**15**			
CB70205	Thống kê ứng dụng	3	45	45	0
TA70306	Intensive English 2	4	60	60	0
TH70002	Tin học 2	2	60	0	60

Học phần tự chọn (Chọn 1 trong 3 học phần)		**1**			
CB71412	Bóng đá	1	30	0	30
CB71403	Bóng chuyền	1	30	0	30
CB71404	Cầu lông	1	30	0	30
CB71410	Pickleball	1	30	0	30
HỌC KỲ 8: 15 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 14, tự chọn: 01)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**15**			
CB70205	Thống kê ứng dụng	3	45	45	0
TA70306	Intensive English 2	4	60	60	0
TH70002	Tin học 2	2	60	0	60
Thực tập nghề nghiệp, thực tập tốt nghiệp		***3***			
Khóa luận tốt nghiệp		***5***			
TT70130	Khóa luận tốt nghiệp	5	135	15	0

Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp		***5***			
TC70209	Các vấn đề hiện đại trong ngành tài chính ngân hàng	3	45	45	0